

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Ninh;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Việt Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương G - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên Tòa số **01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2025**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chung Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1984;

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký tạm trú: TDP D, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Chung Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Đức Đ đã đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, được sự ủng hộ của hai bên gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai còn quan tâm đến ai. Anh Đ thường xuyên chơi bời, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân được khoảng 01 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

- **Về con chung:** Chị và anh Đ có 02 con chung là:

1. Nguyễn Đức T, sinh ngày 06/07/2007.
2. Nguyễn Đức T1, sinh ngày 02/06/2017.

Hiện các con chung đều đang ở với chị và do chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các con đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, công nợ :** Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Nguyễn Đức Đ :* Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà tham gia tố tụng. Không có ý kiến anh Đ trong vụ án.

* *Về phía bà Hoàng Thị T2 (mẹ của chị Chung Thị H) trình bày:*

Bà T2 là mẹ đẻ của chị Chung Thị H. Bà cho biết chị H và anh Đ sau khi kết hôn chung sống gần gia đình bà, bà T2 và gia đình vẫn thường xuyên đi lại quan tâm, chăm sóc chị H và các con chị H, anh Đ. Quá trình chị H, anh Đ chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó anh Đ thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị H và gia đình bà T2 nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh Đ không thay đổi dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau.

Mâu thuẫn đỉnh điểm là chị H và anh Đ không thể chung sống với nhau được nữa nên đã ly thân hơn 06 tháng nay. Quá trình ly thân anh Đ vẫn thi thoảng về thăm con nhưng không báo trước. Thường về đột xuất nhưng không rõ thời điểm. Các con chung đang ở cùng chị H, các con đều khoẻ mạnh phát triển bình thường, được gia đình quan tâm chăm sóc. Bà và gia đình luôn hỗ trợ chị H trong việc trông nom, chăm sóc con.

Bà Lý Thị K trưởng xóm làng B trình bày: Bà K xác định chị H, anh Đ quá trình chung sống tại địa phương có mâu thuẫn và đỉnh điểm là gia đình xô xát, cãi nhau phải có sự can thiệp của địa phương. Thời điểm xô xát bà K không nhớ chính xác nhưng cách đây vài tháng. Bà K cho biết hiện 02 con của anh Đ, chị H

đang chung sống cùng chị H. Các cháu đều phát triển khoẻ mạnh, bình thường được chị H và ông bà ngoại yêu thương chăm sóc.

Tại đơn trình bày nguyện vọng các con chị H anh Đ là cháu Nguyễn Đức T1 và cháu Nguyễn Đức T đều thể hiện nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đức Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần 02 tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xét xử anh Nguyễn Đức Đ là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 238; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 06/07/2007 và Nguyễn Đức T1, sinh ngày 02/06/2017 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chi Chung Thị H và anh Nguyễn Đức Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên năm 2006. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Chung Thị H và anh Nguyễn Đức Đ là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Đ và đề nghị giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên Toà không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và đã được gia đình thuyết phục, hoà giải nhưng không thành. Nay vợ chồng đã ly thân. Như vậy, cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, có mâu thuẫn, dẫn đến việc chị H xin ly hôn.

Từ thời điểm Toà án thụ lý vụ án cho đến nay chị H và anh Đ vẫn sống ly thân, không thể hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đ đến tham gia tố tụng, tham gia phiên hoà giải. Cho đến phiên Toà hôm nay anh Đ không đến tham gia tố tụng. Quá trình chị H và anh Đ chung sống có mâu thuẫn được gia đình chị H khuyên giải nhưng không được. Mâu thuẫn của chị H anh Đ đỉnh điểm phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đúng thực tế. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung xét thấy: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 02/06/2017.

Hiện hai con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H trình bày chị làm việc tại khu công nghiệp lương trung bình hàng tháng 9-10 triệu đồng. Chị H cam đoan có điều kiện về kinh tế, thời gian và nơi ăn ở ổn định để nuôi dưỡng các con. Bà Hoàng Thị T2 mẹ đẻ chị H và bà Lý Thị K trưởng xóm làng

Bằng điều xác định các con chung đều đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đều phát triển khoẻ mạnh, bình thường được gia đình yêu thương quan tâm chăm sóc. Theo nguyện vọng của chị H và hai con đều đề nghị chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định cho các con. Cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 238; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thị H. Chị Chung Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 02/06/2017. Giao cho chị Chung Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Đức Đ có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Chung Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006338 ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh Đ tại phiên Tòa. Báo cho biết chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án, anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Đồng Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Vân